

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Nhung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Số: 20.132/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.394.620.426	276.653.949.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	38.436.365.809	58.176.373.251
1. Tiền	111		21.893.356.954	37.150.952.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.543.008.855	21.025.421.160
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	53.181.955.265	43.275.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.275.000.000	11.275.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.906.955.265	32.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.738.412.104	175.202.576.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	92.400.868.199	93.762.624.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	22.012.417.397	22.076.587.398
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	40.855.183.293	60.793.278.142
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.530.056.785)	(1.429.913.203)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.887.248	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	37.887.248	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		226.821.139.258	229.053.925.283
I. Tài sản cố định	220		48.530.211.246	50.312.100.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	47.276.281.772	49.110.753.633
Nguyên giá	222		103.962.277.557	102.462.508.011
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.685.995.785)	(53.351.754.378)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.253.929.474	1.201.347.070
Nguyên giá	228		3.506.338.786	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.252.409.312)	(2.196.991.716)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		147.239.000	147.239.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	147.239.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	176.818.200.000	176.818.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.780.000.000	150.780.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.038.200.000	14.038.200.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.325.489.012	1.776.385.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.325.489.012	1.776.385.580
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		472.215.759.684	505.707.875.216

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		264.615.971.862	284.124.917.191
I. Nợ ngắn hạn	310		264.615.971.862	284.124.917.191
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	103.019.280.498	93.007.651.359
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		672.861.452	1.732.302.081
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.888.001.130	1.883.534.270
4. Phải trả người lao động	314		-	900.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.018.181	2.986.364
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	6.900.450.158	7.131.241.082
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	152.128.278.176	179.467.202.035
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.082.267	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		207.599.787.822	221.582.958.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13.1	207.599.787.822	221.582.958.025
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.4	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.13.4	11.000.000.000	10.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.982.257.551	37.965.427.754
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		22.376.686.154	29.905.433.516
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		605.571.397	8.059.994.238
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		472.215.759.684	505.707.875.216



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	260.927.491.299	285.268.382.370
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		260.927.491.299	285.268.382.370
3. Giá vốn hàng bán	11	4.16	245.432.495.792	264.694.561.280
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.494.995.507	20.573.821.090
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.17	2.888.546.481	4.123.587.960
6. Chi phí tài chính	22	4.18	6.564.395.479	14.119.652.283
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.382.075.502</i>	<i>13.685.058.170</i>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	11.199.761.597	9.898.697.634
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		619.384.912	679.059.133
9. Thu nhập khác	31		43.871.336	93.724.865
10 Chi phí khác	32		-	33.994.704
11 Lợi nhuận khác	40		43.871.336	59.730.161
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		663.256.248	738.789.294
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.21	57.684.851	97.005.097
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		605.571.397	641.784.197



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		663.256.248	738.789.294
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.20	3.389.659.003	3.810.820.361
Các khoản dự phòng	03	4.19	100.143.582	(14.622.718)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(20.491.369)	134.624.702
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.307.579.013)	(3.674.033.324)
Chi phí lãi vay	06	4.18	6.382.075.502	13.685.058.170
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.207.063.953	14.680.636.485
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.861.821.517)	22.117.172.082
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.998.612.159	8.061.539.922
Tăng giảm chi phí trả trước	12		450.896.568	(147.012.781)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.382.075.502)	(11.299.154.060)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(210.376.992)	(6.330.216.189)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		638.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(951.333.333)	(731.477.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.888.965.336	26.351.487.679
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.607.769.546)	(959.879.291)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.281.000.000	134.200.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.307.579.013	3.674.033.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.980.809.467	128.914.154.033

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.261.150.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.22	243.224.246.743	281.191.850.810
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.23	(270.563.170.602)	(423.380.725.663)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.272.326.000)	(13.429.732.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.611.249.859)	(151.357.457.353)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(19.741.475.056)	3.908.184.359
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		58.176.373.251	18.422.641.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.467.614	16.394.579
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	38.436.365.809	22.347.220.563
(70 = 50+60+61)				



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty cổ phần Transimex	Việt Nam	14.307.400.000	11,97	11.490.000.000	9,62
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	14.243.000.000	11,92	12.240.000.000	10,24
Công ty cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	13.537.000.000	11,33	6.000.000.000	5,02
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		21.651.650.000	18,12	40.009.050.000	28,46
Cộng		119.490.050.000	100	119.490.050.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 239 (31 tháng 12 năm 2018 là: 250).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	3.334.625.893	4.965.318.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.558.731.061	32.185.633.954
Các khoản tương đương tiền (*)	16.543.008.855	21.025.421.160
Cộng	38.436.365.809	58.176.373.251

(*) Trong đó giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền dùng để đảm bảo cho các khoản vay là 15.364.000.000 VND – Xem thêm mục 4.12.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.352.490.000	-	6.900.000.000	7.886.424.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	4.375.000.000	5.460.000.000	-	4.375.000.000	6.037.500.000	-
Cộng	11.275.000.000	14.812.490.000	-	11.275.000.000	13.923.924.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,5% đến 6,8%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2019
VND

Tại ngày 01/01/2019
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	12.000.000.000	(*)	-	12.000.000.000	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	(*)	-	150.780.000.000	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(*)	-	2.260.000.000	(*)	-
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	(*)	-	11.778.200.000	(*)	-
Cộng	14.038.200.000			14.038.200.000		

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	80.549.533	88.544.442
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Indigo	7.668.995.633	53.726.634
Công ty TNHH DSE Logistics Việt Nam	6.506.901.097	-
Trinity Logistics (H.K.) Co., Ltd	1.621.900.675	8.458.102.027
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	2.957.976.019	9.294.865.855
Các khách hàng khác	73.564.545.242	75.867.385.387
Cộng	92.400.868.199	93.762.624.345

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	14.060.053.285	13.486.961.548
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	6.443.476.795	6.793.856.326
Các nhà cung cấp khác	1.508.887.317	1.795.769.524
Cộng	22.012.417.397	22.076.587.398

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương về mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	24.055.000.000	-	39.286.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	-	-	4.050.000.000	-
Ký quỹ	7.806.460.000	-	8.406.460.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.319.633.716	-	2.789.848.565	-
Phải thu khác	5.532.535.027	-	5.921.035.027	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	141.554.550	-	339.934.550	-
Cộng	40.855.183.293	-	60.793.278.142	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Các khách hàng khác	758.658.183	344.222.128	504.139.607	189.847.134
Cộng	1.874.278.913	344.222.128	1.619.760.337	189.847.134
				Thời gian quá hạn
				Trên 3 năm
				Từ 6 tháng trở lên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	52.386.197.589	10.766.536.187	37.770.986.738	739.417.497	799.370.000	102.462.508.011
Mua trong kỳ	-	-	1.459.324.091	40.445.455	-	1.499.769.546
Tại ngày 30/06/2019	52.386.197.589	10.766.536.187	39.230.310.829	779.862.952	799.370.000	103.962.277.557
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	14.222.549.330	5.509.588.644	32.225.188.271	595.058.133	799.370.000	53.351.754.378
Khấu hao trong kỳ	1.481.194.876	483.618.499	1.340.798.025	28.630.007	-	3.334.241.407
Tại ngày 30/06/2019	15.703.744.206	5.993.207.143	33.565.986.296	623.688.140	799.370.000	56.685.995.785
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	38.163.648.259	5.256.947.543	5.545.798.467	144.359.364	-	49.110.753.633
Tại ngày 30/06/2019	36.682.453.383	4.773.329.044	5.664.324.533	156.174.812	-	47.276.281.772

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 2.541.283.994 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.306.984.219 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Mua trong kỳ	-	108.000.000	108.000.000
Tại ngày 30/06/2019	2.642.410.677	863.928.109	3.506.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	1.541.405.865	655.585.851	2.196.991.716
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	47.259.474	55.417.596
Tại ngày 30/06/2019	1.549.563.987	702.845.325	2.252.409.312
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	1.101.004.812	100.342.258	1.201.347.070
Tại ngày 30/06/2019	1.092.846.690	161.082.784	1.253.929.474

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.877.454.178 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	9.855.332.288	9.855.332.288	2.030.603.714	2.030.603.714
Phải trả cho người bán Regional Container Lines Public Co., Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	43.802.726.901	43.802.726.901	46.507.745.248	46.507.745.248
Phải trả cho các đối tượng khác	13.409.275.035	13.409.275.035	10.713.253.845	10.713.253.845
	35.951.946.274	35.951.946.274	33.756.048.552	33.756.048.552
Cộng	103.019.280.498	103.019.280.498	93.007.651.359	93.007.651.359

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	920.886.461	4.714.032.696	4.397.644.018	-	604.497.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.469.252	57.684.851	210.376.992	-	159.161.393
Thuế thu nhập cá nhân	37.887.248	194.923.067	2.214.829.494	2.221.094.758	-	163.301.083
Các loại thuế khác	-	765.722.350	5.935.891.623	6.126.743.284	-	956.574.011
Cộng	37.887.248	1.888.001.130	12.922.438.664	12.955.859.052	-	1.883.534.270

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.621.627.812	6.960.713.877		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	278.822.346	170.527.205		
Cộng	6.900.450.158	7.131.241.082		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	152.128.278.176	152.128.278.176	243.224.246.743	270.563.170.602	179.467.202.035	179.467.202.035
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019		
			VND	VND		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,8%/năm	122.571.047.036	136.221.095.147	(a)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8%/năm	-	23.873.681.337	(b)	
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	7,5% - 8%/năm	25.829.085.715	9.883.864.558	(c)	
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,7%/năm	3.728.145.425	9.488.560.993	(d)	
Cộng			152.128.278.176	179.467.202.035		

1013
CÔN
CỔ
O NHÀ
30A1
GĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX và 506/2017/HĐTG.TX với tổng giá trị là 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2.
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 2.541.283.994 VND – Xem thêm mục 4.7.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 0975000004676, 0975000005196, 0975000017086 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/HĐTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 07 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND – Xem thêm mục 4.2;
- Hợp đồng tiền gửi số 09/2018/HĐTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.600.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1;
- Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1;
- Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD – Xem thêm mục 4.1;
- Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1;
- Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1;
- Hợp đồng tiền gửi số 08/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 244736619, 244737169, 252457009, 273684929, 27869539 tại Ngân hàng TMCP Á Châu với tổng giá trị là 9.800.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1.

3528
G T
PHÂN
H VẬN
THƯƠNG
I-TP.N

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2018	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	63.130.024.980	151.130.543.854
Tăng vốn trong 06 tháng đầu năm trước	4.261.150.000	-	-	-	-	4.261.150.000
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	641.784.197	641.784.197
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(568.874.522)	(568.874.522)
Cổ tức	-	-	-	-	(13.434.007.500)	(13.434.007.500)
Điều chỉnh khác	-	-	(44.432.445)	-	-	(44.432.445)
Tại ngày 30/06/2018	90.114.050.000	2.379.300.000	541.094.511	(817.208.082)	49.768.927.155	141.986.163.584
Tăng vốn trong 06 tháng cuối năm trước	29.376.000.000	43.165.094.511	(541.094.511)	-	-	72.000.000.000
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	7.596.794.441	7.596.794.441
Tại ngày 01/01/2019	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	57.365.721.596	221.582.958.025
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	605.571.397	605.571.397
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(316.415.600)	(316.415.600)
Cổ tức	-	-	-	-	(14.272.326.000)	(14.272.326.000)
Tại ngày 30/06/2019	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	43.382.551.393	207.599.787.822

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.200	1.500

4.13.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2019	9.400.293.842	10.000.000.000
Trích trong kỳ	-	1.000.000.000
Tại ngày 30/06/2019	9.400.293.842	11.000.000.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	301.393,44	463.706,49
EUR	257,02	257,02
SGD	680,86	680,86

4.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cước vận chuyển hàng không	150.794.121.372	172.662.895.070
Cước vận chuyển đường biển	63.143.219.491	62.371.835.881
Doanh thu dịch vụ khác	46.990.150.436	50.233.651.419
Cộng	260.927.491.299	285.268.382.370

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	7.667.075.737	10.884.915.136
--------------------------------------------------------------------------------	---------------	----------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	21.868.966.888	19.941.643.514
Chi phí công cụ, dụng cụ	136.803.639	145.880.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.814.174.203	3.260.983.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.543.355.957	235.437.909.084
Chi phí khác	6.069.195.105	5.908.144.798
Cộng	245.432.495.792	264.694.561.280

4.17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	404.432.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.903.147.013	3.269.601.324
Lãi chênh lệch tỷ giá	560.476.099	449.554.636
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.491.369	-
Cộng	2.888.546.481	4.123.587.960

4.18. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	6.382.075.502	13.685.058.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá	182.319.977	299.969.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	134.624.702
Cộng	6.564.395.479	14.119.652.283

4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.617.315.609	4.500.076.256
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.413.447	105.684.341
Chi phí khấu hao	575.484.800	549.836.749
Thuế, phí và lệ phí	382.816.259	346.615.774
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	100.143.582	(14.622.718)
Chi phí khác	5.432.587.900	4.411.107.232
Cộng	11.199.761.597	9.898.697.634

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	26.486.282.497	24.441.719.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.389.659.003	3.810.820.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.543.355.957	235.437.909.084
Dự phòng phải thu khó đòi	100.143.582	(14.622.718)
Chi phí khác	12.112.816.350	10.917.432.417
Cộng	256.632.257.389	274.593.258.914

4.21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	663.256.248	738.789.294
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	29.600.004	63.594.708
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia	(404.432.000)	(404.432.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	288.424.252	397.952.002
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	57.684.851	81.425.097
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	15.580.000
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	57.684.851	97.005.097

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.22. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	243.224.246.743	281.191.850.810

4.23. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	270.563.170.602	343.380.725.663
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	80.000.000.000
Cộng	270.563.170.602	423.380.725.663

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.24. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành | Công ty con |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3	80.549.533	88.544.442
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	14.060.053.285	13.486.961.548
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9	(9.855.332.288)	(2.030.603.714)
	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Tạm ứng:		
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	141.554.550	141.554.550
Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	198.380.000
Cộng – Xem thêm mục 4.5	<u>141.554.550</u>	<u>339.934.550</u>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1	7.667.075.737	10.884.915.136
Mua dịch vụ	3.376.207.361	2.403.319.528

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	890.000.000	1.041.640.654

4.25. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	23.333.333	88.888.889

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

